

CHỮA NHỮNG BỆNH THƯỜNG GẶP

1. Cảm mạo

Cảm mạo, còn gọi là thương phong, có thể bị ở cả bốn mùa. Bệnh thường sinh vào những lúc khí trời đột nhiên nóng, lạnh, hoặc lao động ra nhiều mồ hôi. Chủ yếu là do ngoại cảm phong hành, hoặc thân thể suy nhược, sức đề kháng giảm mà phát bệnh.

Cảm mạo có các biểu hiện là: Nghẹt mũi chảy nước mũi trong, hắt hơi, ho hắng, đau đầu, ăn không ngon...

Cảm mạo nặng nặng (cúm lây lan): Phần nhiều là sợ lạnh, sốt, đau đầu, đau họng, ho, đau lưng, đau khớp tứ chi, không muốn cử động, có thể quặn bụng, buồn nôn.

Cách chữa: Lấy huyết *Đại chùy*, *Hợp cốc*, *Phong trì*, 3 huyết này tác dụng chủ yếu chữa cảm mạo.

Đều dùng hào kim vẽ chuyển tiến kim, dùng thủ pháp bình bổ bình tả. Lưu kim 30'.

Gia giảm:

- Đau đầu gia huyết *Ấn đường*, *Thái dương*, nặn máu.
- Cuống họng đau, dùng kim ba cạnh châm nặn máu ở *Thiếu thương*.
- Ho hắng gia *Liệt khuyệt*, *Thái uyên*.
- Tắc mũi gia *Nghinh hương*.
- Sốt cao gia *Khúc trì*, *Thập tuyên*, châm nhanh, nặn máu.
- Toàn thân và tứ chi đau buốt gia *Khúc trì*, *Thừa sơn*.
- Quặn bụng, buồn nôn gia *Nội quan*.

Giải nghĩa của phương: Phương này lấy giải biểu, tán hành làm chính. Do phế và đại trường cùng biểu lý, nên lấy *Hợp cốc* ở kinh đại trường để giải biểu tán hàn, phát hãn^(*), tuyên thông phế khí để dứt ho. Lấy *Phong trì* để khu phong^(**) mà dứt đau đầu. *Đại chùy* là huyết ở đốc mạch, cũng là huyết hội của thủ, túc tam dương kinh, cho nên có thể trị được ngoại tà xâm phạm vào cơ thể làm cho kinh khí ở âm dương ngưng tắc phát thanh nhiệt. Huyết *Thái dương* là huyết lạc ngoài kinh (kinh ngoại kỳ huyết), dùng kim ba cạnh châm nặn máu có tác dụng tiết nhiệt, làm mát đầu mắt, có thể chữa đau góc đầu, trán. Huyết *Ấn đường* trị đau trước đầu. *Thiếu thương* là kinh huyết thủ thái âm phế có tác dụng làm tiết tà nhiệt ở phế kinh, cho nên nó là huyết vị chính để chữa đau họng. *Liệt khuyệt* là Lạc huyết của thủ thái âm kinh, *Thái uyên* là Nguyên huyết của thủ thái âm kinh. Hai huyết này có tác dụng rất lớn đối với việc tuyên phế, vì vậy có thể chữa được ho do phế khí không tuyên (không thông). Thủ dương minh đại trường kinh tuần hành đến mũi, vì thế huyết *Nghinh hương* có thể trị mũi tắc không thông. *Thập tuyên* có công hiệu tuyên khiếu, khai bế (thông khiếu, mở chỗ bị đóng tắc), sơ dương khí, thanh nhiệt. Huyết *Khúc trì* có tác dụng tiết tà nhiệt ở dương

(*) Phát hãn: Làm cho ra mồ hôi.

(**) Khu phong: Đuổi phong tà.

kinh, lại có thể thanh nhiệt, giải biểu, trị nóng đau. Đau phía sau bụng chân có quan hệ với kinh bàng quang, vì vậy lấy huyết *Thừa sơn* của kinh đó để thông kinh khí mà dứt đau. *Nội quan* là Lạc của thủ quyết âm, kinh mạch của thủ quyết âm ở dưới hoành cách có nhanh nổi (lạc) với tam tiêu, vì vậy có thể tuyên thông khí cơ tam tiêu, khoan cách, hòa vị, giáng nghịch, điều khí, làm dứt nôn mửa.

Phương huyết kinh nghiệm đạt hiệu quả cao

- *Phong trì, Can du, Túc tam lý* (mùa xuân).
- *Phong trì, Hợp cốc, Phục lưu* (mùa đông).